DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO> *www.pvnindex.vn*

Chỉ số Đại diện

Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	801.19	4.91	0.62
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	686.67	-0.72	-0.11
PVN ALLSHARE	669.45	-0.71	-0.11
PVN ALLSHARE HNX	576.6	3.83	0.67
PVN ALLSHARE HSX	718.6	-1.5	-0.21
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1086.96	8.7	0.81
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	873.24	21.13	2.48
PVN Tài Chính	604.98	2.54	0.42
PVN Công Nghiệp	483.58	7.62	1.6
PVN Dầu Khí	635.41	-3.39	-0.53
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	743.27	25.02	3.48

Chỉ số Ngành

Chỉ số PVN 10

Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

			Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong rổ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	423.60	1.10	0.26%
KLGD (triệu ck)	23.79	-9.36	-28.24%
GTGD (tỷ đồng)	349.54	-198.72	-36.25%
Tổng cung (triệu ck)	66.24	-71.99	-52.08%
Tổng cầu (triệu ck)	77.75	-52.77	-40.43%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.99	-0.84	-45.94%
KL bán (triệu ck)	0.91	-0.93	-50.50%
Giá trị mua (tỷ đồng)	30.55	-49.37	-61.77%
Giá trị bán (tỷ đồng)	30.03	-38.38	-56.10%

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

Nhận định thị trường:

Tóm tắt tình hình kinh tế - thị trường tiền tệ trong nước (tháng 7/2012):

- ***Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7*** tăng 3,2% so với tháng trước và tăng 6,1% so với cùng kì năm ngoái. Tính 7 tháng đầu năm 2012, mức tăng chỉ số này bằng phân nửa 7 tháng đầu năm 2011.
- ***Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7*** tăng 0,1% so với tháng trước. Tốc độ tăng của chỉ tiêu này có chiều hướng thụt lùi dần kể từ tháng 3/2012 đến nay.
- ***Bội chi ngân sách trong 7 tháng đầu năm*** đạt khoảng 91,4 tỷ đồng, gần gấp đôi mức bội chi của 5 tháng đầu năm 2012.
- ***Riêng tháng 7, xuất siêu đạt mức xấp xỉ 100 triệu USD*** và đây là tháng thứ 3 liên tiếp cán cân thương mại được cải thiện. Tuy nhiên tình hình này chưa hẳn là điều đáng mừng vì nhập siêu giảm mạnh do tổng cầu kinh tế sụt giảm, trong khi đó kim ngạch của khu vực nhà nước cũng giảm theo là một điều đáng ngại.
- ***CPI tháng 7 giảm 0,29%*** so với tháng 6 tuy nhiên các tháng tới có thể có nguy cơ tăng dần trở lại, đặc biệt là mùa khai trường vào đầu tháng 9 và áp lực giá năng lượng trên thế giới.
- ***Mặt bằng lãi suất tháng 7 được duy trì ổn định*** nhờ thanh khoản hệ thống khá dồi dào và nhu cầu thị trường không cao. Lãi suất liên ngân hàng kì hạn qua đêm ở mức 4 – 4,5%/năm. Thị trường mở (OMO) gần như không có giao dịch trong suốt tháng 7, khối lượng đi vay giảm xuống mức kỉ lục chưa đầy 20 tỷ (NHNN chuyển sang hình thức đấu thầu lãi suất với mức trúng thầu rất cao 8 – 8,5%/năm). Nhìn chung, lãi suất mặt bằng có khả năng ít có biến động trong suốt tháng 8, cho tới cuối tháng mới có thể có chút biến động nhẹ do nhu cầu tiền mặt tăng đột ngột trước kì nghỉ lễ 2/9. Tăng trưởng tín dụng 7 tháng đầu năm ước đạt 0,57%, một con số rất thấp và dư địa cho tăng trưởng tín dụng hầu như còn nguyên.
- ***Kết thúc tháng 7, CDS Việt Nam chỉ giảm nhẹ khoảng 20 điểm*** so với đầu tháng xuống mức thấp nhất 305,79 điểm, cho thấy lo ngại suy giảm kinh tế là có, nhưng chưa đến mức bùng phát. Lợi tức trái phiếu chính phủ trên thị trường thứ cấp cũng tiếp tục đi ngang và ổn định.

Có thể thấy rằng kinh tế vĩ mô tháng 7 chưa có sự khởi sắc nào đáng kể có sức hỗ trợ với tâm lý thị trường, bên cạnh đó, áp lực giá xăng dầu thế giới tăng mạnh vẫn đang là một yếu tố gây lo ngại cho nhà đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh CPI được dự báo là có thể tăng trở lại. Đối với những biến động của chỉ số trong thời gian gần đây, chúng tôi cho rằng vẫn chỉ là các sự dao động ngẫu nhiên trong bối cảnh thị trường thiếu cả bên mua và bên bán, và chỉ số hai sàn cũng chịu sự tác động nhiều hơn từ diễn biến giá các cổ phiếu vốn hóa lớn.Với mức thanh khoản khớp lệnh chỉ quanh vùng 30 – 40 triệu đơn vị, thị trường vẫn sẽ chưa thể tạo được tín hiệu tích cực để thu hút được dòng tiền ngắn hạn chảy vào.

HNX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	70.48	0.90	1.29%
KLGD (triệu ck)	39.62	4.76	13.65%
GTGD (tỷ đồng)	529.44	-10.57	-1.96%
Tổng cung (triệu ck)	49.28	-19.81	-28.68%
Tổng cầu (triệu ck)	68.65	23.31	51.42%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.75	0.00	0.56%
KL bán (triệu ck)	2.10	1.32	167.15%
Giá trị mua (tỷ đồng)	9.92	-0.20	-1.99%
Giá trị bán (tỷ đồng)	17.62	6.95	65.15%

Nhận định thị trường:

Đồ thị HNX-Index.

Tín hiệu của các công cụ dòng tiền, xu thế chưa có gì tích cực, NĐT cần chờ đợi những diễn biến mới từ HNX-Index. Sau một thời gian khá dài dao động với mức thanh khoản thấp, hiện tại một dòng tiền nhỏ tham gia sẽ không thể đưa chỉ số có một mức tăng dài hạn và đáng kể. Nếu như KLGD của HNX chỉ đạt quanh khoảng 30 – 40 triệu đơn vị mỗi phiên thì các tín hiệu phục hồi tích cực sẽ khó có thể kéo dài.

HNX-Index hiện đang dao động trong kênh giảm, với độ rộng của kênh khá lớn. Chừng nào chưa có tín hiệu tích cực từ thanh khoản hoặc sự dịch chuyển bứt phá khỏi kênh thì nguy cơ giảm vẫn sẽ còn hiện hữu.

Bollinger Band thu hẹp với đường EMA (30) duy trì góc xuống thường là tín hiệu chuyển giao trước một đợt sóng mạnh, nhưng cho tới hiện tại, chưa thể kết luận là sóng giảm hay sóng tăng.

ADX lại xuống mức <20, cho thấy chỉ số chưa bước vào xu thế.

MFI phân kì tiêu cực và liên tục giảm dần là tín hiệu tiêu cực về mặt dòng tiền. Thiếu dòng tiền tham gia thì sự phục hồi chỉ mang tính kĩ thuật và khó kéo dài.

HSX:

Cung cầu

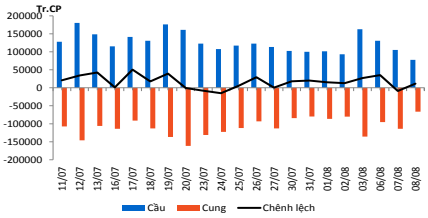

Trung bình lệnh mua/bán

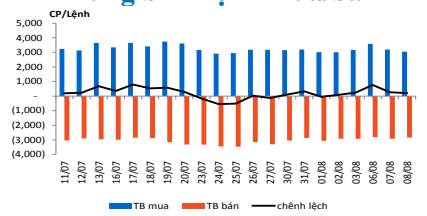

Giao dịch NĐTNN

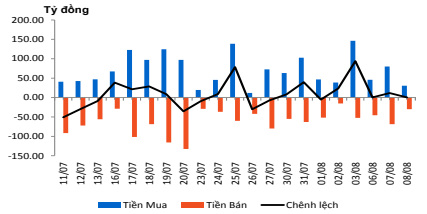

Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

Mở đầu phiên giao dịch, VN-Index nhích nhẹ 0.24 điểm trong đợt khớp lệnh thứ nhất, tương ứng 0.06% đạt 422.74 điểm bất chấp việc VNM đảo chiều giảm gần 1% xuống 102,000 đồng/cp. Tuy nhiên, BVH, SSI, GAS và một số bluechips khác tăng giá đã tạo ra lực đỡ cho thị trường. Lượng cung nhìn chung cũng không quá mạnh.

VN-Index giảm điểm trong nửa cuối buổi sáng, nhưng bất ngờ đảo chiều vào thời điểm cuối buổi sáng, tăng nhẹ nhờ một vài trụ cột nâng đỡ. Thanh khoản HOSE chỉ đạt 14 triệu đơn vị, ứng với 210 tỷ đồng. Với mức tăng nhẹ của MSN, VIC, HAG, SSI, VCB, CTG, DPM… cùng với hơn 80 mã chứng khoán khác giúp VN-Index tăng nhẹ 0.12 điểm vào cuối buổi, tương đương 0.03% lên 422.62 điểm.

Kết phiên, VN-Index 1.07 điểm, tương ứng 0.25% đạt 423.57 điểm. Giao dịch vẫn còn rất khiêm tốn, với 23.79 triệu đơn vị, tương đương 349.54 tỷ đồng. Những cổ phiếu bluechips như MSN, VIC, HAG, VCB, STB, CTG, PVF, DPM, REE, SSI… đóng vai trò lực đỡ cho thị trường trong suốt phiên giao dịch buổi chiều.

HNX:

Cung cầu

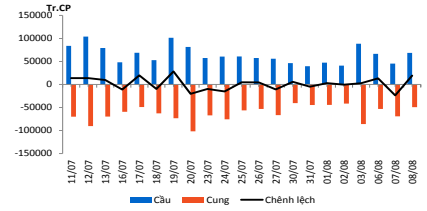

Trung bình lệnh mua/bán

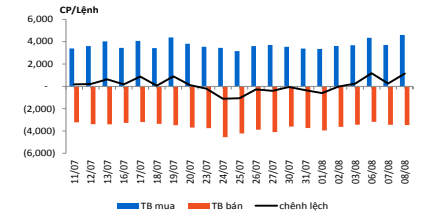

Giao dịch NĐTNN

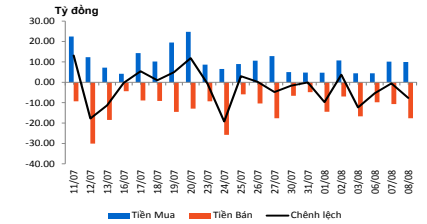

Diễn biến thị trường Hà Nội:

HNX-Index tăng gần 0.6 điểm, tương ứng 0.83% và vượt qua ngưỡng 70 điểm. Giao dịch đạt khoảng 4.7 triệu đơn vị sau 15 phút, trị giá 43.7 tỷ đồng. Toàn sàn có 53 mã tăng giá, 18 mã giảm và 325 mã tạm thời đứng yên.

Thống kê hết buổi sáng, Sàn HNX với sự gia tăng đột biến của SHB và HBB lôi kéo các mã chủ chốt khác cùng khởi sắc. Điều này giúp HNX-Index giữ được ngưỡng 70 điểm đến hết buổi. Theo đó, chỉ số tăng 0.53 điểm, tương ứng 0.76% đạt 70.11 điểm.

Cuối phiên, HNX ghi nhận gần 150 mã tăng giá, với khá nhiều mã tăng trần và dư mua tuyệt đối như HBB dư mua giá trần đến 5.45 triệu đơn vị, hay SHB dư mua trần 722 ngàn đơn vị. Bên cạnh đó là ORS, DCS, TPP, VTC, BKC, SHS, VHH… Những mã chủ chốt đều tăng đáng kể như VND, KLS, SCR, PVX, VCG, ACB… hỗ trợ cho HNX-Index tăng 0.9 điểm vào cuối phiên, tương ứng 1.29% lên 70.48 điểm. Giao dịch trên sàn này tiếp tục bỏ xa HOSE, với gần 40 triệu đơn vị, tương đương 529.48 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 6 cổ phiếu đứng giá, 3 mã giảm giá và 19 mã tăng giá giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PFL (tăng 4,55%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 1,23% và tổng khối lượng giao dịch đạt 5 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 08/08:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,500.0	600	1.85	0.48	14.86	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,300.0	400	3.12	0.32	30.00	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	4,600.0	166,900	4.55	0.27	0.45	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,900.0	152,400	0.97	1.71	1.39	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,200.0	13,100	1.10	0.85	5.82	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,100.0	-	0.00	0.47	2.82	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,200.0	23,800	1.96	0.51	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	15,000.0	90,451	2.04	0.89	2.24	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	10,900.0	6,000	0.93	1.91	4.98	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	11,200.0	262,700	3.70	0.72	8.06	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,500.0	9,800	-0.60	0.71	8.33	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,300.0	800	-1.85	0.51	2.49	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,600.0	500,087	0.65	1.32	4.17	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8,600.0	1,954,847	1.18	0.38	3.23	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,100.0	88,470	-0.76	3.16	12.53	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	37,500.0	382,200	0.81	2.24	6.06	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,200.0	12,450	0.00	1.20	3.19	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,000.0	13,920	0.00	0.60	5.11	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,400.0	246,470	2.48	0.71	3.05	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	37,500.0	57,640	3.59	1.83	5.30	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,300.0	147,910	0.00	0.42	3.33	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,800.0	79,800	0.60	1.14	6.64	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	12,200.0	277,660	0.83	1.07	15.44	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,300.0	466,170	3.92	0.54	48.18	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,200.0	11,250	1.64	0.59	4.13	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4,700.0	12,130	0.00	0.43	2.45	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,600.0	21,070	0.00	0.80	3.18	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,500.0	3,000	1.85	0.50	3.62	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
DPM	37,200	37,500	0.81	14,299,463
OGC	13,300	13,500	1.50	14,461,178
SSI	20,800	20,800	0.00	13,309,559
VNM	103,000	102,000	-0.97	19,284,450
KTB	8,900	9,300	4.49	10,959,813

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,600	1,700	100	6.25
CII	32,000	33,600	1,600	5.00
IFS	10,200	10,700	500	4.90
JVC	20,600	21,600	1,000	4.85
LCM	20,700	21,700	1,000	4.83

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
RDP	10,000	9,500	-500	-5.00
VNA	4,000	3,800	-200	-5.00
NVN	6,100	5,800	-300	-4.92
LGC	26,800	25,500	-1,300	-4.85
STG	25,400	24,200	-1,200	-4.72

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VIC	6,941	VNM	8,299
VNM	6,480	PNJ	4,308
GAS	2,825	MBB	2,800
VCB	2,232	BVH	1,979
DPM	1,755	IMP	1,828

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SQC	63,000	63,000	0.00	204,006
VND	11,100	11,400	2.70	39,189
KLS	10,100	10,400	2.97	29,391
SCR	10,100	10,400	2.97	23,445
SHB	8,400	8,900	5.95	23,223

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VTC	2,900	3,100	200	6.90
SDG	26,100	27,900	1,800	6.90
D11	14,900	15,900	1,000	6.71
SRA	4,500	4,800	300	6.67
HBB	4,500	4,800	300	6.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
V11	1,100	1,000	-100	-9.09
DL1	10,000	9,300	-700	-7.00
S12	4,300	4,000	-300	-6.98
QHD	5,800	5,400	-400	-6.90
NHC	24,900	23,200	-1,700	-6.83

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	2,743	HBB	5,283
VND	2,260	PVS	2,487
KLS	1,684	SHB	2,229
DBC	1,083	VND	1,529
LAS	582	AAA	1,028

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339